

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 134/2023/DS-PT  
Ngày: 09-02-2023  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương

**Các Thẩm phán:**

Bà Trịnh Thị Ánh

Bà Võ Thị Kim Thương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 516/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 322/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6220/2022/QĐPT-DS ngày 09/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 246/2023/QĐPT-DS ngày 09/01/2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960

Địa chỉ: 75 đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Bà Phạm Thị L, sinh năm 1953

Địa chỉ: 45/9/16 đường D, Phường E, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Cao Chí N, sinh năm 1949, địa chỉ: 45/9/16 đường D, Phường E, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 04/8/2022).

**Người kháng cáo:** Bà Phạm Thị L.

(Bà Đ, ông N có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Đ trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên tháng 03/2009, bà Đ cho bà Phạm Thị L vay tổng cộng số tiền 320.000.000 đồng, cụ thể: ngày 03/3/2009 vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và ngày 10/3/2009 vay 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng). Bà L viết và ký xác nhận trên 02 giấy mượn tiền này, cả hai giấy mượn tiền đều không ghi mức lãi suất và thời hạn trả. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L chưa thanh toán tiền vốn cho bà, chỉ trả cho bà mấy tháng tiền lãi, do thời gian lâu nên bà không nhớ chính xác cụ thể số tiền là bao nhiêu. Sau đó bà đòi nhiều lần nhưng bà L không trả. Ngoài ra, năm 2008, 2009 bà Đ đóng hụi cho bà L với số tiền 123.840.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

Do bị đơn hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả, ngày 07/5/2022 bà Đ gửi thông báo yêu cầu bà L thanh toán số tiền vay nhưng bà L vẫn không trả.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu cá nhân bà L phải thanh toán cho bà số tiền vay 320.000.000 đồng, số tiền hụi 123.840.000 đồng. Bà không yêu cầu bà L thanh toán tiền lãi. Bà Đ yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đ rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà L phải trả cho bà số tiền hụi năm 2008, 2009 là 123.840.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đ yêu cầu cá nhân bà L phải thanh toán cho bà số tiền nợ gốc 320.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Yêu cầu thanh toán số tiền vay trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày 16/9/2022 (ngày xét xử sơ thẩm).

Đối với lời khai của bị đơn cho rằng từ tháng 3 năm 2016 đến tháng 7 năm 2018 đã trả cho bà mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), tổng cộng 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) là không đúng. Ông N đại diện cho bà L xuất trình sổ liệt kê số tiền trả tổng cộng là 80.000.000 đồng nhưng đây là thông tin bà L tự ghi và liệt kê vào sổ riêng của mình, không có xác nhận của bà. Bà Đ cũng không đồng ý cho bị đơn thanh toán mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì thời hạn vay mượn đã lâu.

Bị đơn là bà Phạm Thị L ủy quyền cho ông Cao Chí N trình bày: Bà L xác nhận vào tháng 3/2009 có vay bà Đ số tiền tổng cộng là 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 03/3/2009 vay 100.000.000 đồng và ngày 10/3/2009 vay 220.000.000 đồng. Trong 02 giấy mượn tiền đều không ghi mức lãi suất và thời hạn trả. Nay bà L đồng ý thanh toán cho bà Đ số tiền vay là 320.000.000 đồng, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi trả hết nợ.

Đối với yêu cầu của bà Đ về số tiền hụi 123.840.000 đồng, bị đơn không đồng ý vì bà L không nợ hụi bà Đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N - đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông xác nhận bà L có vay nguyên đơn số tiền 320.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 15/3/2016 đến tháng 7/2018, bà L có trả cho bà Đ số tiền mỗi tháng là 3.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) chứng cứ là thông tin bà L tự ghi vào sổ riêng để theo dõi việc trả nợ cho nguyên đơn. Nếu nguyên đơn không đồng ý trừ khoản tiền đã trả vào nợ gốc thì bị đơn đồng ý trả khoản nợ gốc cho nguyên đơn là 320.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với số tiền nợ hui, nguyên đơn đã rút yêu cầu nên bị đơn không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 322/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ.

Buộc bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Đ số tiền nợ là 320.000.000 (ba trăm hai mươi triệu) đồng, theo hai giấy mượn nợ ngày 03/3/2009 và ngày 10/3/2009.

Thời hạn thanh toán: Bà Phạm Thị L phải thanh toán cho bà Trần Thị Đ trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày xét xử 16/9/2022, thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đến hạn thanh toán trên mà bà Phạm Thị L chưa thanh toán hết nợ cho bà Trần Thị Đ thì bà Trần Thị Đ được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền còn nợ để thu hồi nợ cho bà Trần Thị Đ.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của bà Trần Thị Đ về việc buộc bà Phạm Thị L trả số tiền hui năm 2008, 2009 là 123.840.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 23/9/2022, bị đơn là bà Phạm Thị L kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và vi phạm quyền quyết định và quyền tự định đoạt của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Đ trình bày: Bà Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà L phải thanh toán số tiền vay 320.000.000 đồng trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày 16/9/2022, không yêu cầu trả lãi. Bà Đ không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Bà xác nhận bà chỉ cho cá nhân bà L vay tiền để chơi hụi và bà cũng chỉ yêu cầu một mình bà L thanh toán cho bà số tiền nợ vay. Do vậy, bà đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận A.

Bị đơn bà L ủy quyền cho ông N trình bày: Bà L giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo ngày 23/9/2022, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm lý do: Cấp sơ thẩm chưa xác định được mục đích vay tiền của bà L, do vậy chưa xác định và làm rõ về trách nhiệm cá nhân của bà L hay trách nhiệm liên đới giữa bà L và chồng là ông Cao Chí N cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm không triệu tập người liên quan là ông Cao Chí N để tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Từ đó cho thấy có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với phiên tòa diễn ra ngày 16/9/2022 qua trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thể hiện nội dung năm 2016 bà L có trả cho bà Đ một phần nợ, mỗi tháng là 3.000.000 đồng từ ngày 15/3/2016 đến tháng 7/2018, tổng cộng đã trả cho bà Đ 80.000.000 đồng. Việc trình bày trên có sự đồng ý của bà Trần Thị Đ ngay tại phiên tòa, tuy nhiên nội dung Bản án số: 322/2022/DSST nêu trên không thể hiện các vấn đề mà các đương sự đã xác nhận thống nhất mà lại nhận định đối với sự kiện pháp lý trên không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và nguyên đơn không xác nhận sự việc này để phán quyết thiếu khách quan, không đúng quy định pháp luật là vi phạm đến quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những sai lầm nghiêm trọng nêu trên, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm: 322/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân quận A.

Ngoài ra, ông N cũng trình bày: Do điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị bà Đ giảm cho bà L số tiền nợ và cho bà L được trả dần số tiền trong thời hạn 02 năm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu, đề nghị:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định. Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, có đủ cơ sở xác định vào tháng 03/2009 bị đơn vay nguyên đơn số tiền tổng cộng là 320.000.000 đồng, nguyên đơn đã có thông báo đòi tiền ngày 07/5/2022 nhưng bị đơn chưa thanh toán.

Xét thấy: hai giấy mượn tiền ngày 03/3/2009 và ngày 10/3/2009 chỉ có một mình bà L giao dịch với bà Đ. Ông N là chồng bà Đ có tham gia phiên tòa sơ thẩm với tư cách người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nhưng không có ý kiến gì, chỉ xác nhận nợ và xin trả dần. Mặt khác, phía nguyên đơn là bà Đ chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn là L phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền nêu trên nên không cần thiết phải đưa ông N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Phía bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 80.000.000 đồng căn cứ vào sổ theo dõi phía bị đơn xuất trình có liệt kê từ ngày 15/3/2016 đến tháng 7/2018 mỗi tháng trả 3.000.000 đồng. Xét, sổ theo dõi do phía bị đơn tự liệt kê, không có sự xác nhận của nguyên đơn, tại phiên tòa bà Đ cũng khẳng định không nhận số tiền 80.000.000 đồng như đại diện bị đơn trình bày nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có cơ sở.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 322/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo ngày 23/9/2022 của bị đơn bà Phạm Thị L còn trong hạn luật định theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên hợp lệ.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Xét, căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 03/3/2009 và ngày 10/3/2009 cũng như lời trình bày, xác nhận của các đương sự thì 02 giấy mượn tiền không xác định thời hạn trả. Theo quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho bên vay một thời gian hợp lý. Ngày 07/5/2022 nguyên đơn đã gửi thông báo yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn vẫn không thanh toán. Ngày 16/5/2022 nguyên đơn khởi kiện bị đơn nên vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung: Bị đơn là bà L kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với các lý do:

[3.1] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm không đưa ông Cao Chí N là chồng bị đơn vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định trách nhiệm trả nợ cá nhân của bà L hay trách nhiệm liên đới của vợ chồng bà L, ông N.

Xét, căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 03/3/2009 và ngày 10/3/2009 thì chỉ có một mình bà L ký tên giao dịch, vay mượn với bà Đ. Trong suốt quá trình thu

thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm, bị đơn là bà L cũng không có đơn yêu cầu Tòa án triệu tập ông N tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như yêu cầu ông N phải có trách nhiệm cùng với bà L thanh toán khoản nợ trên cho bà Đ. Mặt khác, nguyên đơn là người có quyền cũng không yêu cầu chồng bà L cùng với bà L phải có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ cho bà Đ. Bà Đ xác nhận chỉ yêu cầu cá nhân bà L phải thanh toán số tiền nợ vay nên cấp sơ thẩm không đưa ông N là chồng bà L vào tham gia tố tụng trong vụ án là chính xác.

[3.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm bà Đ cũng xác nhận từ ngày 15/3/2016 đến tháng 7/2018, bị đơn đã trả cho nguyên đơn mỗi tháng 3.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại bản án sơ thẩm đã không xác nhận nội dung trên là vi phạm quyền quyết định và quyền tự định đoạt của đương sự.

Xét, căn cứ và các tài liệu, chứng cứ cũng như tại biên bản phiên tòa sơ thẩm (bút lục số 68, 69,70) không thể hiện nội dung bà Đ xác nhận đã nhận số tiền 80.000.000 đồng của bà L. Phía bà Đ chỉ trình bày bà L có trả cho bà một ít tiền lãi theo thỏa thuận miệng giữa hai bên mà không ghi vào giấy nợ, do thời gian lâu nên không nhớ chính xác cụ thể số tiền là bao nhiêu. Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông N là đại diện của bị đơn xuất trình sổ liệt kê ghi số tiền và các tháng trả tiền nhưng đây là phần liệt kê của bà L tự ghi, không có chữ ký xác nhận của nguyên đơn và bà Đ cũng khẳng định không nhận số tiền 80.000.000 đồng của bà L nên không có cơ sở xác định bà L đã cho bà Đ tổng cộng số tiền là 80.000.000 đồng như bị đơn trình bày.

[3.3] Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 03/3/2009 và ngày 10/3/2009 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự thì có đủ cơ sở xác định bà L vay bà Đ tổng cộng số tiền 320.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu nhiều lần nhưng bị đơn chưa thanh toán. Nay bà Đ yêu cầu cá nhân bà L phải có trách nhiệm trả khoản tiền nợ gốc 320.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi là có cơ sở theo quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3.4] Về thời gian trả nợ: Bị đơn đề nghị trả dần mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho nguyên đơn cho đến khi thanh toán hết nợ. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không đồng ý, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản nợ trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày 16/9/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại 477 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3.5] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đ đã rút yêu cầu đối với số tiền hui năm 2008, 2009 là 123.840.000 đồng, cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này nên không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích và viện dẫn pháp luật nêu trên, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ là có cơ sở.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị L là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 322/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân quận A theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở.

[4]Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là bà L thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L được miễn tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 322/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ.

Buộc bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Đ số tiền nợ gốc tổng cộng là 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng), theo giấy mượn tiền ngày 03/3/2009 và ngày 10/3/2009.

Thời hạn thanh toán: Bà Phạm Thị L phải thanh toán cho bà Trần Thị Đ trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày 16/9/2022 (ngày xét xử sơ thẩm).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ về việc yêu cầu bà Phạm Thị L trả số tiền hụi năm 2008, 2009 là 123.840.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị L được miễn tiền án phí sơ thẩm.
- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị L được miễn tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận A;
- Chi cục THADS quận A;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lan Hương**